BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 17/02	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		2																	
		3															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		4																	
		5																	
	Chiều	6											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)
		7													Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)
		8											CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)
		9																	
		10																	
Thứ 3 18/02	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		2																	
		3															Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)
		4															Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)
		5																	
	Chiều	6											Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	
		7																Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	
		8											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	
		9													Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)			
		10											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)				CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	
Thứ 4 19/02	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN							Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)
		2																	
		3																	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		4																	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		5																	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
	Chiều	6											Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	
		7															Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)		
		8											CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	
		9											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	
		10											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)		

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 20/02	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN							
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)	
		7																	
		8											Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
		9													Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)			
		10											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)				CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
Thứ 6 21/02	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		2															CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		3															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)
		4															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 22/02	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN							
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6											HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)	HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/02	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				
		2				Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)				
		3	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)				Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)						
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)		Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)
		7		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)										Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)		
		8		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)								Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)					Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		9															Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.103)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.103)		
		10																		
Thứ 3 18/02	Sáng	1	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		
		2				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)		
		3	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				
		4	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		
		5				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				
	Chiều	6		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)
		7		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)																
		8											CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)							CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		9		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)									Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)							Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		10		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)																
Thứ 4 19/02	Sáng	1			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		2				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		3			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)
		4			Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)		
		5			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)							Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)
	Chiều	6	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)					
		7	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)																	
		8	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)					
		9		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)					Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)					
		10	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)												Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)					

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/02	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)					Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)
		7													Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)					
		8		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)
		9					Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)					
		10		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)					Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)
Thứ 6 21/02	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)				
		2	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)																	
		3	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/02	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tình (H5.201)	HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		
		7																		
		8																		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/02	Sáng	1	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		TTTN	TTTN	TTTN	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)		CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		2	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)																Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)
		3	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)													Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)
		7		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)																
		8		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																
		9																		
		10																		
Thứ 3 18/02	Sáng	1	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	TTTN	TTTN	TTTN	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)
		2																	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)
		3	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)													Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)
		4	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)													Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)
		5	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)																	
	Chiều	6															Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/02	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		TTTN	TTTN	TTTN	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)
		2	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			
		3															Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)
		4	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)														Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)
		5															CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			
	Chiều	6		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)													Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	
		7																		
		8		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)																
		9		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)																
		10		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)																

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/02	Sáng	1			TTTN	TTTN	TTTN	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)																
		7		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)													Trang bị điện Doãn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		
		8		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)																
		9		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)																
		10		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																
Thứ 6 21/02	Sáng	1	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		TTTN	TTTN	TTTN	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		2															Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			
		3	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.307)
		4	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)																	
		5															Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)
	Chiều	6																		
		7																Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/02	Sáng	1			TTTN	TTTN	TTTN			TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN				
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/02	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																		
		3																Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		
		4																		
		5																		
	Chiều	6										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)						Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 18/02	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																		
		3																Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		
		4																Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		
		5																		
	Chiều	6										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)				Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Máy điện Đặng Duy Thanh ()	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/02	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		
		3							Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()								Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		
		4																Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		
		5																CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		
	Chiều	6										Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)				Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Máy điện Đặng Duy Thanh ()	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/02	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()					Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)				HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()				Hệ thống máy lạnh công nghiệp Lưu Quang Hưng (X22.301)				Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Máy điện Đặng Duy Thanh ()	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 21/02	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()					Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()								CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		
		2																Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		
		3																		
		4																Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		
		5																Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		
	Chiều	6					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()												
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/02	Sáng	1					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()	Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()										
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()												
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/02	Sáng	1		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		2		CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)													Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		
		3		Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4			Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)											Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		5																		
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)					Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 18/02	Sáng	1		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)		
		2			Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)								Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)		Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		
		3		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)							Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)		
		4		Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)		
		5												CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)				
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)					Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/02	Sáng	1		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		
		2		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)								Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		3			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)		
		4		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)		
		5			Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)		Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)				Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)			Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/02	Sáng	1		HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)				HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)			Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Ktra: Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi-1-2-2024(N01) Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()	Ktra: Thiết kế mạng LAN-1-2-2024(N02) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 21/02	Sáng	1	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		
		2																		
		3		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)		
		4		CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)		
		5		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)				
	Chiều	6	Hàn TIG Lê Văn Nam ()		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)		Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()			Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/02	Sáng	1	Hàn TIG Lê Văn Nam ()				Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()			Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()						Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Hàn TIG Lê Văn Nam ()				Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()			Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Tạ Văn Khoa ()						Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng ()	Phần mềm mã nguồn mở Kim Thị Thương ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/02	Sáng	1	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (X22.301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)	
		2			CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)										
		3	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)										
		4	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)											
		5																		
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TĂNG 3)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX5)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)			Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 18/02	Sáng	1	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (X22.301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)	
		2	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)																
		3	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)										
		4			Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)										
		5	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)																
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TĂNG 3)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX5)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)			Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/02	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (X22.301)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TĂNG 2)	
		2			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)										
		3	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)													
		4	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)										
		5	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)											
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TĂNG 3)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)		Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.101)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/02	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)	Tiếng Nhật (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Ktra: Thiết kế trình diễn trên máy tính-1-2-2024(N01) Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Ktra: Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi-1-2-2024(N07) Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Ktra: Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi-1-2-2024(N08) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)			Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.101)			Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 21/02	Sáng	1	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)										
		2	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)														Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)		
		3			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)		Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)				
		4	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)										
		5	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)										
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Ktra: Thiết kế trình diễn trên máy tính-1-2-2024(N02) Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)				Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.208)		Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)			Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/02	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/02	Sáng	1	Vật liệu cơ khí Phan Thanh Đạt (X10.203_PHLT Khoa CK)	KĨ thuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.103)
		2												Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)						
		3				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)								Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuệ (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Kỹ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	KĨ thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)
		7	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)				CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		8		Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	
		9	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)			Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		10																		
Thứ 3 18/02	Sáng	1	Vật liệu cơ khí Phan Thanh Đạt (X10.203_PHLT Khoa CK)	KĨ thuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.103)
		2																		
		3												Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.106)						
		4				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)												Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)		
		5												Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)						
	Chiều	6	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuệ (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Kỹ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	KĨ thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)
		7	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)								Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)					
		8		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		9	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)						Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	
		10	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)							Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)									Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)
Thứ 4 19/02	Sáng	1	Vật liệu cơ khí Phan Thanh Đạt (X10.203_PHLT Khoa CK)	KĨ thuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																		
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)												Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)		
		4				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)		
		5																		
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuệ (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Kỹ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	KĨ thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)
		7									Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)									Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		8	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)					CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	
		9	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)			Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)
		10			CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)				CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/02	Sáng	1	Vật liệu cơ khí Phan Thanh Đạt (X10.203_PHLT Khoa CK)	KT thuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)		Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)		Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuệ (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Kỹ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	KT thuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)
		7		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)													CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			
		8	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)
		9	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)							Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)			
		10	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)				Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)				CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)			Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)
Thứ 6 21/02	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)				Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.107_CNTT)			Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.106)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)		Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																		
		3																		
		4												Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.106)						
		5																		
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/02	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 06: Từ 17/02 Đến 23/02/2025

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 17/02	Sáng	1		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.107_CNTT)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)										
		2		Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)					Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)										
		3				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)													
		4		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)					Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)										
		5																	
	Chiều	6			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)
		7			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)		
		8			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)			CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		9			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		10																	
Thứ 3 18/02	Sáng	1		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.107_CNTT)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.207)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)			Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.208)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)						
		2																	
		3		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)										
		4							Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)										
		5		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)															
	Chiều	6			CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)
		7			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)			
		8			CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		9						Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)			
		10			CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)				Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)				CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
Thứ 4 19/02	Sáng	1		Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	Tiếng Anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N04) Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N04) Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N06) Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N06) Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.208)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H5.101)			
		2																	
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)													
		4		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)										
		5																	
	Chiều	6			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)
		7									Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)							
		8		Đo lường điện Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		9						CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		10			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)					Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)			CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 20/02	Sáng	1					Ktra: Mạng máy tính-1-2-2024(N03) Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.208)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.108_CNTT)					
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()	Đo lường điện Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Tiếng anh chuyên ngành Dương Mạnh Hà ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)
		7											CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)		
		8			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		9						Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		10			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
Thứ 6 21/02	Sáng	1				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.107_CNTT)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)										
		2		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)															
		3							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Ngọc (H5.104)										
		4		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)					Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)										
		5																	
	Chiều	6	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	Tiếng anh chuyên ngành Dương Mạnh Hà ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 22/02	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()												Tiếng anh chuyên ngành Dương Mạnh Hà ()				
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()												Tiếng anh chuyên ngành Dương Mạnh Hà ()				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	